

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Thanh;

2. Ông Mai Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Bà Néang Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2020; thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 174/2020/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2020; thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 180/2020/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2020/TB-TA ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 05, khóm 2, thị trấn T, huyện T T, tỉnh An Giang, (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Mai C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 05, khóm 2, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn D trình bày:* Bà D và ông C chung sống với nhau từ năm 2013 có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình

chung sống, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà D không còn tình cảm với ông C, một phần cũng xuất phát từ kinh tế do ông C không chăm lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho gia đình nên ảnh hưởng đến đời sống chung của vợ chồng, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông C; về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/10/2013 hiện cháu đang sống với bà D, yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng việc nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Mai C trình bày:* Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà D về điều kiện tiến đến hôn nhân, cả hai có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thống nhất về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà D có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không còn tình cảm với ông nên mới yêu cầu được ly hôn với ông. Ông C vẫn kiên quyết không đồng ý ly hôn với bà D, vì ông vẫn còn tình cảm với bà D, mong muốn hai vợ chồng cùng đoàn tụ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông C quyết định ly hôn với bà D.

Vụ án đã được Tòa án mở phiên hòa giải nhưng nguyên đơn không thống nhất đoàn tụ.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông C.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông C.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà D và bị đơn ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang. Tòa

án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D ông C chung sống từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà D và ông C chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay cả bà D và ông C đều kiên quyết ly hôn, nên hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn D với ông Mai C.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn D với ông Mai C thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/10/2013. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất giao cháu T cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông C không có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc ông C thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà D chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000117 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn D với ông Mai C.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn D tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/10/2013. Ông Mai C không có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc ông C thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000117 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Ông Mai C không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[6] Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu

